

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2019/KDTM-PT

Ngày: 25/11/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh***

Các thẩm phán: ***Bà Ngô Tuyết Bằng***

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: ***Bà Đoàn Phương Thảo*** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: ***Ông Phạm Tuấn An*** - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 117/2019/TLPT-KDTM ngày 03/9/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 374/2019/QĐPT-KDTM ngày 26/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 425/2019/QĐ-HPT ngày 18/10/2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 509/2019/TB-TA ngày 28/10/2019, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C

Trụ sở: Số 108 phố T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ***Ông Lê Đức T*** - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: ***Bà Đỗ Thị Bích M, ông Dương Quang T1, ông Nguyễn Việt T2, bà Nguyễn Thu T3, ông Lê Chiến T4, ông Lương Trung H, bà Đỗ Ngọc A*** (Giấy ủy quyền số 104/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 18/02/2019)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N

Trụ sở: Số 58, đường P, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ***Ông Trương Công T5 (Đã chết)***

Các cổ đông sáng lập của Công ty: ***Bà Trương Thị Tuyết N sinh 1984, ông Nguyễn Đăng L sinh 1983***

Địa chỉ: Cụm 8, thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hồng C sinh 1971

Nơi ĐKKTT: Số 11, ngõ 48, tổ 4, YT, phường N, quận L, thành phố Hà Nội

Bà Nguyễn Thị B sinh 1973, anh Nguyễn Quang A sinh 1997, anh Nguyễn Hồng P sinh 1992, chị Nguyễn Thị N sinh 1992

Các cháu Nguyễn Diệp C sinh 2015, Nguyễn Bảo L sinh 2010, Nguyễn Minh H sinh 2018 là con chung của chị N, anh P. Chị N, anh P là người đại diện theo pháp luật của các con.

Cùng trú tại: Số 11, ngõ 48, tổ 4, YT, phường N, quận L, thành phố Hà Nội

(Nguyên đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo bà B có mặt; Bị đơn và những Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 18/7/2011, Ngân hàng TMCP C (Gọi là Ngân hàng) có ký kết một Hợp đồng tín dụng mang số 4402028-2011/HĐTD-DN với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N (Gọi là Công ty N). Nội dung hợp đồng thể hiện việc Ngân hàng cho Công ty N vay 1.500.000.000đ để bổ sung vốn lưu động; Thời hạn cho vay là 03 tháng; Lãi suất cho vay được điều chỉnh 1 tháng/1 lần, lãi tại thời điểm cho vay là 22%/năm; Lãi quá hạn bằng 50% lãi cho vay trong hạn.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty N đủ số tiền vay theo Hợp đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất diện tích 50m² tại thửa đất số 37-1, tờ bản đồ số 52, địa chỉ tổ 4, phường N, quận L, Hà Nội thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Hồng C. Đến thời điểm xét xử, Công ty N

mới trả được 1 phần tiền lãi, chưa trả được nợ gốc. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán trả Ngân hàng 1.500.000.000đ gốc và 1.785.214.583đ (lãi trong hạn) và 888.589.868đ (lãi quá hạn). Trường hợp Công ty không trả nợ thì đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của ông C, bà B để thu hồi nợ.

Công ty N hiện nay không còn hoạt động nhưng vẫn chưa làm thủ tục giải thể, Công ty cũng đã bị Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội thu hồi giấy đăng ký kinh doanh. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trương Công T5 đã chết.

Những cổ đông sáng lập Công ty là Trương Thị Tuyết N, Nguyễn Đăng L trình bày: Bà N là chị họ của ông T5, ông L là chồng của bà N và là anh rể của ông T5 - Giám đốc Công ty N. Năm 2011 các ông T5, L cùng bà N thành lập Công ty N nhưng không nhớ số tiền góp vốn của vợ chồng ông bà là bao nhiêu, thủ tục thành lập Công ty đều do ông L và ông T5 trực tiếp làm, bà N không biết. Việc Công ty vay mượn tiền của Ngân hàng để kinh doanh hay làm gì vợ chồng bà N không biết. Tài sản dùng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty do người thế chấp là ông C, bà B bà N cũng không biết và cũng không có quan hệ gì với họ. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Hồng C, bà Nguyễn Thị B trình bày: Mặc dù không biết Công ty N nhưng qua một người bạn, vợ chồng ông bà đã dùng tài sản của mình là nhà đất tại thửa số 37-1, tờ bản đồ số 52, diện tích 50m² địa chỉ tổ 4, phường N, quận L, thành phố Hà Nội để thế chấp cho Ngân hàng bảo đảm cho khoản vay của Công ty N. Sau này, ông bà mới biết Công ty N vay của Ngân hàng 1.500.000.000đ. Ông C và bà B vẫn thừa nhận trách nhiệm của mình đã thế chấp tài sản nên sẵn sàng chia sẻ rủi ro với Ngân hàng. Hiện nay, ông bà đã ly hôn nhưng nhà đất đã thế chấp cho Ngân hàng thì không hề phân chia, không mua bán và cũng không chuyển nhượng cho ai.

Bà B cho rằng việc Ngân hàng không cho bà xem Hợp đồng tín dụng giữa Công ty N với Ngân hàng thì hợp đồng đồng tín dụng này được ký kết giả mạo để nhằm chiếm đoạt tài sản của bà và ông C.

Anh Nguyễn Quang A, anh Nguyễn Hồng P, chị Nguyễn Thị N mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng vắng mặt tại tất cả các

buổi làm việc và tại phiên tòa.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội đã quyết định:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (12/6/2019) gồm tiền nợ gốc: 1.500.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 1.785.214.583đ; lãi quá hạn: 888.589.868đ. Tổng cộng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N còn phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 12/6/2019 là 4.173.804.451đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền cho bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 50m² tại thửa đất số 37-1; tờ bản đồ số 52 tại tổ 4, phường N, quận L, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hồng C, bà Nguyễn Thị B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD182718, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: 1017/2005/QĐ-UB/854-2005; MS 10127370411 do UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/7/2005 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4815/HĐTC ngày 09/7/2011. Trường hợp tài sản bảo đảm được đấu giá không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm được đấu giá vượt quá tài sản bảo đảm thì phải hoàn trả lại cho người bảo lãnh hợp đồng tín dụng”

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm nêu trên, ngày 01/7/2019 bà B có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng hợp đồng thế chấp tài sản có 3 bên gồm Ngân hàng với bà B và ông C có tẩy xóa nên vô hiệu. Công ty N không còn hoạt động tại nơi treo biển trụ sở Công ty. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng và buộc Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B, ông C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính: Đơn kháng cáo của Bị đơn là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng qui định của phiên tòa phúc thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của Bộ luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo qui định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty N trả nợ cho Ngân hàng và chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ông C, bà B trong trường hợp Công ty N không trả được nợ là có cơ sở.

Đề xuất: Giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Bị đơn làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP C (Ngân hàng) khởi kiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N (Công ty N) phải thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4402028-2011/HĐTD-DN ngày 18/7/2011 với các khoản yêu cầu phải trả gồm: 1.500.000.000đ (gốc) cùng 1.785.214.583đ (lãi trong hạn) và 888.589.868đ (lãi quá hạn).

HĐXX thấy rằng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty N được ký kết bởi các chủ thể hợp pháp của hai pháp nhân, quy trình ký kết đã được tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật và quy định đặc thù của Ngân hàng nên Hợp đồng tín dụng có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty khoản tiền vay theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Lãi suất cho vay được các bên thỏa thuận được điều chỉnh 1 tháng/1 lần, lãi tại thời điểm cho vay là 22%/năm; Lãi quá hạn bằng 50% lãi cho vay trong hạn.

Hiện Công ty N không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trong Giấy đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã chết, Công ty đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng vẫn chưa làm thủ tục giải thể nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa 2 cổ đông sáng lập còn lại của Công ty vào tham gia tố tụng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty N phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc đã vay 1.500.000.000đ là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu Công ty phải thanh toán, HĐXX thấy rằng lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng được điều chỉnh 1 tháng/1 lần nhưng khi Ngân hàng chưa nộp đủ các quyết định điều chỉnh lãi suất từ khi ký kết hợp đồng tín dụng cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm nhưng Cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi là chưa hợp lý. Tuy nhiên tại Cấp phúc thẩm, Ngân hàng đã bổ sung các quyết định điều chỉnh lãi suất. Đối chiếu các quyết định này với Bảng thuyết trình tính lãi của Ngân hàng đã nộp tại Tòa án, Hội đồng xét xử thấy Ngân hàng tính lãi theo đúng cam kết về lãi trong hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận nên yêu cầu tính lãi của Ngân hàng được chấp nhận.

Về yêu cầu xử lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp Công ty N không thanh toán nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Bên nhận thế chấp (Ngân hàng) với Bên thế chấp tài sản (Ông C, bà B) và Bên được thế chấp (Công ty N) đã được ký kết bởi chủ tài sản có quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản đem thế chấp, khi ký kết hợp đồng các chủ thể đều tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật và đã được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng có hiệu lực thi hành đối với các bên. Vì

vậy, Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp Công ty không thanh toán được nợ là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà B cho rằng Bản án sơ thẩm đã không làm rõ đầy đủ các chứng cứ vụ án để xác định đúng sự thật của vụ việc. Hợp đồng thế chấp vô hiệu do bị tẩy xóa và không được lập trước mặt các bên nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà B thừa nhận trước khi ký kết hợp đồng bà đã được đọc lại toàn bộ nội dung hợp đồng, sau khi ký hợp đồng, bà cũng được giao cho giữ một bản. Xét thấy, thực tế Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bà B, ông C với Ngân hàng và Công ty N có bị xóa ở dòng 11 trang 1 (tính từ trên xuống) gồm 12 chữ “tại trụ sở Phòng Công chứng số 6 thành phố Hà Nội” và dòng thứ 4 cũng của trang 1 (tính từ dưới lên) gồm 3 chữ “Cả hai cùng”. Những chữ bị xóa nêu trên đều đã được xác nhận của công chứng viên chứng thực nội dung công chứng là hợp lệ, các chữ bị xóa không thuộc về nội dung nên không ảnh hưởng đến nội dung thế chấp của hợp đồng. Vì vậy, không có căn cứ để hủy án theo yêu cầu kháng cáo của bà B.

Bản án sơ thẩm tuyên còn dài dòng nên sẽ được sửa lại về cách tuyên án và án phí do cấp sơ thẩm tính sai.

Từ những nhận định trên:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng TMCP C đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP C 1.500.000.000đ (gốc) cùng 1.785.214.583đ (lãi trong hạn) và 888.589.868đ (lãi quá hạn). Tổng cộng là 4.173.804.451đ (*Bốn tỷ, một trăm bảy ba triệu, tám trăm linh bốn nghìn, bốn trăm năm một đồng*).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (20/6/2019) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N còn tiếp tục phải chịu lãi suất đối với khoản tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 50m² tại thửa số 37-1, tờ bản đồ số 52, địa chỉ: Tổ 4, phường N, quận L, thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 182718, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1017/2005/QĐ-UB/854-2005; MS 10127370411 ngày 25/7/2005 do UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp cho người sử dụng đất bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Hồng C.

3. Án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N phải chịu 112.173.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP C 39.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 07651 ngày 26/5/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, bà đã nộp tại biên lai số 0009000 ngày 22/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSNDTP Hà Nội
- TAND huyện Thanh Trì
- Chi cục THA huyện Thanh Trì
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hạnh